

Bản án số:40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI- TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Oanh

- Bà Phạm Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2017/TLST - HNGĐ ngày 12-5-2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017, Thông báo mở lại phiên tòa số 23/2017/TB-XX ngày 12-7-2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1987- có mặt.

Bị đơn: Anh Phùng Quốc L, sinh năm 1987- vắng mặt;

Đều trú tại: Tổ 2a, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-4-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phùng Quốc L tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, thành phố Hà Nội (Giấy đăng ký số: 27 ngày 28-02-2014). Năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không cải thiện tình cảm vợ

chồng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nên chị xin ly hôn anh L.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Đăng Tú A, sinh ngày 22-12-2015. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Phùng Đăng Tú A và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phùng Quốc L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 12-5-2017, bị đơn Phùng Quốc L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Đặng Thị Th trình bày là đúng. Năm 2017, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ đầu năm 2017. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th xin ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Đăng Tú A, sinh ngày 22-12-2015. Ly hôn, anh đồng ý để chị Th nuôi cháu Phùng Đăng Tú A và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Đặng Thị Th và anh Phùng Quốc L là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ đầu năm 2017, hai bên đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, có căn cứ cho chị Th được ly hôn với anh L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh chị thống nhất để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Đăng Tú A. Xét thấy cần giao cháu Tú A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, để đảm bảo quyền và lợi ích, đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu Tú A và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về chia tài sản*: chị Th, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đặng Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Phùng Quốc L.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phùng Đăng Tú A (sinh ngày 22-12-2015) cho chị Đặng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tú A đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/06160 ngày 12-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTP Yên Bái;
- Chi cục THADSTP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện C, TP. Hà Nội;
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Phụng

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-01-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thành V trình bày:

Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thu P tại Ủy ban nhân dân xã Phương Liễu, huyện H, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 30-12-2005 (Giấy đăng ký số....). Năm 2015 anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị P thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục chửi anh, xúc phạm đến gia đình anh. Anh có góp ý với chị P nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2015. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn nên anh xin ly hôn chị P.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Như, sinh ngày 10-6-2002 và Nguyễn Thành Thọ, sinh ngày 05-5-2007. Hiện nay cháu Như đang ở với anh, cháu Thọ đang ở với chị P. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Như, chị P nuôi cháu Thọ; không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản:

Vợ chồng có thửa đất số 161, tờ bản đồ số 69, diện tích 81m² tại phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2008, anh và chị P đi lao động tại Hàn Quốc tích góp được khoản tiền trị giá 500.000.000 đồng. Năm 2009, chị P về nước trước mua một căn nhà tại số 200 phố Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh với giá 500.000.000 đồng. Năm 2010, anh và chị P bán căn nhà số 200 phố Nguyễn Cao và mua thửa đất số 161 trên.

Anh xác định thửa đất số 161 nêu trên là tài sản chung của anh và chị P. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh không có nhu cầu về nhà đất nên anh đề chị P được sử dụng toàn bộ nhưng phải trả anh 1/2 giá trị.

Tại bản tự khai đề ngày 15-01-2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Thu P trình bày:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Nguyễn Thành V trình bày là đúng. Năm 2015, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do anh V ngoại tình, chị và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh V không nghe. Anh V đã tự bỏ nhà đi từ cuối năm 2015 và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh V xin ly hôn, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Như và cháu Thọ như anh V trình bày. Nếu ly hôn chị nhất trí để anh V nuôi cháu Như, còn chị nuôi cháu Thọ.

Về chia tài sản:

Anh V cho rằng thửa đất số 161, tờ bản đồ số 69, diện tích 81m² tại phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của vợ chồng là không đúng mà đây là tài sản riêng của chị.

Nhận định của Tòa án

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh nhận định:

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thu P là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2015, hai bên đã sống ly thân. Nay anh V và chị P cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh V và chị P thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung:* Anh V và chị P có 02 con chung. Anh chị đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên việc anh V và chị P thoả thuận mỗi người sẽ nuôi một con chung (anh V nuôi cháu Như, chị P nuôi cháu Thọ, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con), là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản:*

[5] Hiện tại anh V và chị P cùng đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 161, tờ bản đồ số 69, diện tích 81m² tại phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh trị giá 3.220.000.000 đồng.

[6] Chị P cho rằng đất là tài sản riêng của chị nên không đồng ý chia. Tuy nhiên, chị P không xuất trình được tài liệu để chứng minh nguồn tiền mua nhà đất là do cha chị cho. Anh V khai rằng nguồn tiền để mua nhà đất là do anh chị tích lũy được khi đi lao động ở Hàn Quốc. Lời trình bày của anh V phù hợp với thực tế là sau khi anh chị lao động tại Hàn Quốc được 03 năm (từ năm 2005 đến

năm 2008) thì năm 2009 chị P về nước mua nhà tại số 200, phố Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh với giá 500.000.000 đồng. Năm 2010, khi chuyển nhượng nhà đất tại số 200 phố Nguyễn Cao cho ông Nguyễn Tâm và bà Nguyễn Linh thì anh V và chị P đã cùng đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng. Điều này chứng tỏ anh V, chị P đều coi khối tài sản này là tài sản chung của vợ chồng và cùng định đoạt chung. Sau đó, anh V, chị P đã dùng số tiền bán nhà tại số 200 phố Nguyễn Cao (1.500.000.000 đồng) để mua thửa đất số 161 nêu trên và cùng đứng tên quyền sử dụng đất.

[7] Như vậy, việc chị P cho rằng thửa đất số 161 thuộc tài sản riêng của chị là không có cơ sở. Anh V xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, anh V và chị P mỗi người được hưởng 1/2 giá trị thửa đất. Anh V không có nhu cầu về chỗ ở trong khi chị P đang phải ở nhờ nhà cha mẹ đẻ nên yêu cầu của chị P xin được chia hiện vật là chính đáng.

[8] *Về án phí*: Anh V và chị P phải chịu án phí theo giá ngạch đối với trị giá phần tài sản mà mỗi người được chia (1.610.000.000 đồng)

Vì các lẽ trên,

Quyết định

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 55 và Điều 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm đ Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thu P.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thu P là anh V trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thành Như, sinh ngày 10-6-2002, chị P trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thành Thọ, sinh ngày 05-5-2007. Anh V và chị P có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản* :

3.1. Xác định thửa đất số 161, tờ bản đồ số 69, diện tích 81m² có trị giá 3.220.000.000 đồng (ba tỉ hai trăm hai mươi triệu đồng) tại phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thu P.

3.2. Chia cho chị Nguyễn Thu P được quyền sử dụng thửa đất số 161, tờ bản đồ số 69, diện tích 81m² tại phường Ninh Xá, thành phố H, tỉnh Bắc Ninh.

3.3. Chị Nguyễn Thu P trả anh Nguyễn Thành V $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 161 là 1.610.000.000đ (một tỷ sáu trăm mười triệu đồng chẵn).

4. Về án phí:

4.1. Anh Nguyễn Thành V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo Biên lai số 01364 ngày 05-01-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

4.2. Chị Nguyễn Thu P, anh Nguyễn Thành V mỗi người phải chịu 48.200.000đ (bốn mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSNDTP Yên Bái
- Chi cục THADSTP Yên Bái
- Các đương sự
- UBND p. Nam Cường
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phụng

